

**Tập 201**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ bốn:

*(Sớ) Như Hoa Nghiêm vân: “Như Lai sở đô, chư thanh tịnh chúng, ở trung chỉ trụ”, chánh đồng thử nghĩa.*

*(疏)如華嚴云：如來所都，諸清淨眾，於中止住，正同此義。*

*(Sớ: Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Chỗ trụ của Như Lai, các vị thanh tịnh trụ ở trong đó” chính là có cùng một ý nghĩa này).*

Liên Trì đại sư lại trích dẫn kinh văn từ kinh Hoa Nghiêm để chứng minh. Trong các phần trước, tôi đã thưa trình cùng quý vị ý nghĩa của việc trích dẫn kinh Hoa Nghiêm. Thuở Liên Trì đại sư tại thế, Tịnh Độ Tông hết sức suy vi, phong khí Thiên Tông trong Phật môn vô cùng hưng thịnh. Tuy rất hưng thịnh, nói thật ra, rất ít người thành tựu! Học Thiên mà học chẳng đúng pháp, rất dễ đọa vào cuồng huệ, bèn kiêu căng, ngã mạn, đặc biệt khinh rẻ Tịnh Độ, coi thường pháp môn Tịnh Độ. Liên Trì đại sư cũng từng học Thiên, và cũng từng học Giáo, môn gì Ngài cũng đều thông, đến cuối cùng, Ngài phát hiện Tịnh Độ Tông xác thực là vô cùng thù thắng, nhưng muốn hoằng dương Tịnh Tông thì phải bài trừ thành kiến của nhiều kẻ như vậy, nói thật ra là chuyện khá khó khăn. Vì thế, giảng kinh A Di Đà, chú giải kinh A Di Đà, Ngài bèn tận hết sức vận dụng kinh văn trong kinh Hoa Nghiêm để giải thích. Bởi lẽ, đối với kinh Hoa Nghiêm, bất luận là Tông Môn hay Giáo Hạ, mọi người đều hết sức tôn sùng kính trọng kinh ấy là “*căn bản pháp luân*” của Như Lai.

Dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích kinh A Di Đà, chính là đề cao thân phận của kinh A Di Đà. Đây là một phen khổ tâm của lão nhân gia. Có miễn cưỡng hay không? Ở đây, chúng ta thấy đích xác là chẳng miễn cưỡng, xác thực là giáo nghĩa Tịnh Tông và Hoa Nghiêm tương đồng. Do đó, cô nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, gọi kinh A Di Đà là Tiểu Bản Hoa Nghiêm là có đạo lý. Ta thấy trong Sớ Sao của Liên Trì đại sư, kinh Hoa Nghiêm được trích dẫn với một số lượng lớn, ta cảm thấy cô nhân nói lời ấy là hữu lý, xác thực là có căn cứ.

Đối với đoạn kinh văn của kinh Hoa Nghiêm này, chúng tôi có ghi chú bằng chữ cỡ nhỏ bên dưới: “*Thập Hồi Hướng phẩm, Vô Tận Công Đức Tạng, cập Thiện Căn Hồi Hướng sơ phần pháp môn*” (Phẩm Thập

Hồi Hương, phần đầu của pháp môn Vô Tận Công Đức Tạng và Thiện Căn Hồi Hương), Liên Trì đại sư trích dẫn đoạn này. Lời Sao đã chép bổ sung nguyên văn.

**(Sao) Hoa Nghiêm nhị thập ngũ kinh văn.**

**(鈔)華嚴二十五經云。**

**(Sao: Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ hai mươi lăm nói).**

Kinh Hoa Nghiêm gồm tám mươi quyển, phần này trích từ quyển thứ hai mươi lăm.

**(Sao) Nhất thiết chư Phật quốc độ trang nghiêm, Như Lai sở đô, bất khả tư nghị, đồng hạnh túc duyên chư thanh tịnh chúng, u trung chỉ trụ, vị lai thế trung, đương thành Chánh Giác.**

**(鈔)一切諸佛國土莊嚴，如來所都，不可思議，同行宿緣諸清淨眾，於中止住，未來世中，當成正覺。**

**(Sao: Các cõi nước trang nghiêm của hết thầy chư Phật là chỗ trụ của Như Lai, chẳng thể nghĩ bàn, chúng thanh tịnh cùng hạnh, hữu duyên trong đời trước bèn trụ nơi đó, trong đời vị lai sẽ thành Chánh Giác).**

Cho đến chỗ này [là nguyên văn trích dẫn] từ kinh Hoa Nghiêm. Trong chín câu kinh văn này, có ba món viên mãn.

**(Diễn) Nhất thiết chư Phật quốc độ trang nghiêm, chỉ sở y công đức, y báo viên mãn dã.**

**(演)一切諸佛國土莊嚴，指所依功德，依報圓滿也。**

**(Diễn: “Các cõi nước trang nghiêm của hết thầy chư Phật” là nói do nương tựa vào công đức mà y báo được viên mãn).**

“Sở y công đức” là nhân, “y báo viên mãn” là quả. Công đức của ai? Từ Đại Kinh, chúng ta đọc thấy A Di Đà Phật trong khi tu nhân đã tu hành năm kiếp, thành tựu vô lượng công đức, công đức ấy do chính A Di Đà Phật tự tu. Trừ chính mình ra, mười phương thế giới chư Phật, Bồ Tát xưng dương, tán thán, đó là công đức do chư Phật, Bồ Tát đã tu. Những chúng sanh tiếp nhận sự giáo huấn của Phật, Bồ Tát, ai nấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ thì tâm địa phải thanh tịnh, tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Đó là công đức được thành tựu bởi người vãng sanh. Có thể

thấy nhân duyên của người trong cõi ấy cũng là vô lượng vô biên, chẳng phải là [một nhân duyên] đơn thuần. A Di Đà Phật là chánh nhân, chư Phật, Bồ Tát và hết thảy đại chúng往昔 sanh là trợ nhân. Do nhân duyên như vậy mà thành tựu y báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc chẳng thể nghĩ bàn, tức là “quốc độ trang nghiêm”. “Trang nghiêm” là tốt đẹp, đẹp đẽ tốt bậc! Đối với chúng sanh trong mười phương thế giới, kinh thường nói là “chúng hữu tình trong chín pháp giới” cũng chẳng thể nghĩ bàn. Đó là nói tới vẻ đẹp nơi hình tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới.

**(Diễn) Như Lai sở đô, chủ viên mãn dã.**

**(演)如來所都，主圓滿也。**

**(Diễn: Chỗ ngụ của Như Lai là nói về sự viên mãn của Giáo Chủ vậy).**

Nói tới chánh báo. Câu đầu tiên trong đoạn trước nói về y báo, hoàn cảnh mỹ mãn; câu này nói về Như Lai, Như Lai là người. A Di Đà Phật là giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Giáo chủ viên mãn; đây là chủ viên mãn.

“Sở đô”: “Đô” (都) là nơi đô hội, giống như nơi thiết lập chánh phủ trung ương của một quốc gia trong hiện thời được gọi là Thủ Đô. Toàn thể thế giới trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là “Như Lai sở đô” (chỗ ngụ chủ yếu của Như Lai). Không như Đài Loan có thủ đô là thành phố Đài Bắc, các nơi khác chẳng phải là thủ đô. Tây Phương Cực Lạc thế giới tuyệt diệu! Cõi nước vô cùng lớn, toàn thể cõi nước là một thủ đô, là một đô thành. Vì sao? Nơi nơi chốn chốn đều có thể thấy A Di Đà Phật, A Di Đà Phật không chỗ nào chẳng tồn tại, A Di Đà Phật không lúc nào chẳng hiện hữu, đó là diệu. Từ kinh điển, đặc biệt là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chúng ta đọc thấy đức Phật có vô lượng vô biên hóa thân, đó gọi là “không chỗ nào chẳng hiện thân”. Người trong thế gian này đều là phàm phu, chẳng có bản lãnh này, không thể hiện thân ở bất cứ nơi đâu, chỉ có một thân. [Người trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới có vô lượng vô biên thân. Phật là như thế, mà bất cứ người nào往昔 sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng đều có năng lực này. Phật có thể hóa thân, chúng ta tới đó đều có thể hóa thân, vô cùng tự tại. Thân được tự tại thường gọi là Thần Túc Thông, còn gọi là Như Ý Thông, có thể biến hóa thuận theo lòng mong muốn. Điều này được gọi là chánh báo, là sự viên mãn của đấng Giáo Chủ.

Mấy câu tiếp theo đó nói về sự viên mãn của đại chúng. Hàng Bồ Tát trong thế giới Cực Lạc viên mãn, “*bất khả tư nghị, đồng hạnh túc duyên chư thanh tịnh chúng*” (chẳng thể nghĩ bàn, đại chúng thanh tịnh cùng hạnh, hữu duyên trong đời trước), chẳng thể nghĩ bàn! Câu này nói theo lối song quan (câu có ý nghĩa kép). Thứ nhất là số lượng chẳng thể nghĩ bàn, công đức chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, câu này bao hàm ý nghĩa rất sâu, bao hàm rất nhiều [ý nghĩa]! “*Đồng hạnh*” là có cùng nguyện và hạnh với A Di Đà Phật, hai chữ này hết sức quan trọng. Chúng ta muốn đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp, giống như kinh Vô Lượng Thọ đã nói là “*huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*” (ban cho chúng sanh lợi ích chân thật), “*trụ chân thật huệ*” (trụ trong huệ chân thật), nhất định phải lấy nguyện của Phật làm nguyện của chính mình. Tâm nguyện của chúng ta và Phật giống nhau, tâm đồng Phật tâm, nguyện đồng Phật nguyện, hạnh đồng Phật hạnh, quyết định vãng sanh! Không chỉ là vãng sanh, mà còn chẳng sai khác Phật cho mấy; tuy chưa thành Phật, đáng vẻ đã có chút giống Phật. Vì thế, đồng hạnh rất trọng yếu!

“*Túc duyên*” (宿緣) là [duyên trong] đời trước. Nhiều đời, nhiều kiếp có duyên với A Di Đà Phật. Nói “*có duyên*” nghĩa là quý vị từng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, hoặc từng đọc kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà, kết thành duyên phận với A Di Đà Phật. Duyên ấy đã kết từ nhiều đời nhiều kiếp trước, hoặc là kết trong đời quá khứ, hoặc là kết trong một đời này, điều ấy chẳng quan trọng. Điểm then chốt là ở chỗ nào? Then chốt là duyên ấy đã chín muồi. Tuy đã kết duyên cùng Phật từ kiếp xa xôi, nhưng duyên ấy chưa chín muồi thì vẫn vô dụng! Trong một đời này, chúng ta mới vừa nghe danh hiệu, mới đọc kinh điển này, duyên ấy dường như nông cạn một chút. Tuy cạn cũng có thể chín muồi, hễ chín muồi bèn ngay lập tức khởi tác dụng.

Chín muồi là gì? Chẳng chín muồi là gì? Nếu trọn đủ hai chữ “*thanh tịnh*”, duyên ấy đã chín muồi. Tuy có duyên với Phật, tâm ta vẫn chẳng thanh tịnh, duyên ấy chẳng chín muồi. Chẳng thanh tịnh là do quý vị chẳng thể chuyên tâm, niệm Phật thì tuy là niệm A Di Đà Phật mà vẫn đồng thời suy nghĩ loạn xạ, nên tâm chẳng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là nhất tâm xưng niệm. “*Nhất*” bèn thanh tịnh, “*nhị*” sẽ chẳng thanh tịnh. “*Nhị*” thuộc về tam tâm nhị ý, chẳng thanh tịnh. Vì thế, Đại Kinh dạy chúng ta phương pháp tu hành: “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”. Kinh này dạy chúng ta “*nhất tâm bất loạn*”; trong bản dịch của Huyền Trang đại sư ghi là “*nhất tâm hệ niệm*”, đều có “*nhất*”, “*nhất*” là trọng yếu.

Chúng ta nhất định phải giác ngộ, giác ngộ đời người khổ sở, ngắn ngủi. Đời người quá khổ, đời người quá ngắn ngủi, tạm bợ. Tuổi càng cao, càng dễ cảm nhận. Nhất là trong xã hội hiện thời, toàn thể xã hội bất bình thường. Bất bình thường là trái nghịch tự tánh, đó là nói theo nhà Phật. Nếu nói theo pháp thế gian, sẽ là trái nghịch luân thường, luân thường bị vùi lấp gần như tận diệt, đó là cội nguồn của hết thảy các nỗi khổ. Do đó, phải hiểu thế gian này là khổ, đau khổ còn nhiều hơn xã hội xưa kia. Tuy sự hưởng thụ vật chất ngày càng phong phú, dồi dào, nhưng tinh thần đọa lạc, phiền não, tà kiến tăng trưởng vượt xa mức độ tiến bộ của khoa học kỹ thuật, chúng ta phải giác ngộ điều này. Thật sự giác ngộ thì mới có tâm xuất ly, mới thật sự phát tâm “ta phải vượt thoát sanh tử luân hồi, nghiêm túc học Phật”, mới chịu khăng khăng một mực thâm nhập một môn.

Học Phật thì quan trọng nhất là tu tâm thanh tịnh, tâm tịnh ắt cõi nước tịnh. Chúng ta hiểu tâm chư Phật, tâm Bồ Tát đều là thanh tịnh. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, chẳng giống như các Ngài. Chẳng giống như các Ngài, sẽ chẳng thể chung sống với nhau. Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy tâm địa thanh tịnh. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh mà sang bên đó, không đầy mấy bữa, họ chẳng đuổi chúng ta, bản thân chúng ta cũng tự cảm thấy chẳng quen sống ở chỗ họ, cũng bỏ đi ngay! Vì thế, điều kiện vãng sanh ở chỗ này, chẳng phải là Phật không từ bi, mà là chính mình chẳng thể ở chung với đại chúng, nhất định phải tu tâm thanh tịnh. Do đó, tâm địa thanh tịnh cho thấy cơ duyên lìa thoát tam giới, vãng sanh thành Phật của quý vị trong một đời này đã chín muồi. Chín muồi là ở ngay chỗ này, thật sự chín muồi! Chúng tôi thường nói: Người tiếp nhận pháp môn này liền tin tưởng, phát nguyện, chịu niệm Phật, kể như là duyên. Duyên ấy cũng coi như đã chín muồi, nhưng có thể vãng sanh hay không, vẫn chẳng nhất định! Vì sao? Người ấy tuy trọn đủ ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, nhưng tâm chẳng thanh tịnh thì vẫn chưa được, vẫn chẳng thể vãng sanh. Vì lẽ đó, người niệm Phật đông đảo, người vãng sanh ít ỏi, mọi người phải chú ý. Niệm Phật xác thực là phải buông hết thảy thân, tâm, thế giới xuống, suốt ngày từ sáng đến tối chỉ đầu đầu nhớ đến A Di Đà Phật, chỉ tưởng A Di Đà Phật, trong tâm chớ nên vương vấn những thứ khác; đó gọi là “*nhất tâm hệ niệm*”, tâm chúng ta mới có thể thanh tịnh. Nếu còn nghĩ điều gì khác, thưa cùng chư vị, đó là “*ma chướng*”. Niệm Phật mà còn nghĩ tới người khác, còn nghĩ tới chuyện khác, hồng be bét mất rồi! Đó là ma chướng, chướng ngại chúng ta thành tựu trong một đời này, [bởi lẽ] cái tâm chẳng thanh tịnh! Vì thế, câu này nói ra cái hạnh nhân

thật sự của những vị Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới “*đồng hạnh, túc duyên, thanh tịnh*”, ba điều kiện này.

“*U trung chỉ trụ*” (Trụ ở trong ấy), “*trung*” (中) là [ở trong] thế giới Cực Lạc. Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm. Bất luận phẩm vị gì, dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh, hễ sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng có ngày nào rời khỏi A Di Đà Phật. Hằng ngày A Di Đà Phật bầu bạn với quý vị, há quý vị còn chẳng thể thành Phật ư? Trong thế gian này, chúng ta mong thân cận một vị thầy tốt chẳng dễ dàng, tìm không ra! A Di Đà Phật là vị thầy tốt nhất trong các thế giới của mười phương chư Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật, khen Ngài là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh tôn quý nhất, vua trong chư Phật), tán thán A Di Đà Phật tốt bậc. Một người như vậy mà quý vị chẳng thân cận Ngài thì sẽ thân cận ai đây? Chúng ta nhất định phải biết điều này! Lại bảo quý vị, quý vị phải thật sự thân cận A Di Đà Phật. Chỉ có chuyện này là chân thật, vĩnh hằng. Quý vị thân cận người khác sẽ chẳng đáng tin cậy, vì sao? Có sanh tử, luân hồi! Sau khi đã chết, cũng chẳng gặp lại nữa. Gặp lại lần nữa, chẳng biết là chuyện thuộc về đời nào, kiếp nào? Dầu gặp gỡ, cũng chẳng nhận biết.

Vì thế, người thế gian chúng ta ở chung với nhau, duyên phận này rất ngắn ngủi, tạm bợ. Có duyên tụ hội thì hãy nên quý tiếc, biết chúng ta sau khi đã chia tay vĩnh viễn chẳng gặp lại, có gì khi tụ hội một chỗ bèn kèn cựa, đấu đá lẫn nhau, vẫn có những chỗ không thể chấp nhận lẫn nhau? Đúng là chẳng có ý nghĩa gì! Thời gian quá ngắn ngủi! Thời gian quý vị ở cùng Phật lâu dài, đúng là vô lượng kiếp của vô lượng kiếp, chỉ có điều này là chân thật. Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng lâu dài, thật sự là vô lượng thọ.

“*Vị lai thế trung, đương thành Chánh Giác*” (Trong đời vị lai, sẽ thành Chánh Giác), nói tới đại chúng viên mãn. Nếu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới mà chẳng thể thành Phật, sẽ chẳng thể coi là viên mãn. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong tương lai nhất định thành Phật, thành Phật mới là viên mãn. Thành Phật, thành tựu trí huệ viên mãn rất ráo, đạt được phước đức rất ráo viên mãn, trí huệ viên mãn, phước báo viên mãn, chính là thành Phật. Dưới đây, Liên Trì đại sư lại chỉ quy Tây Phương Tịnh Độ.

***(Sao) Như Lai sở đô, tức A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.***

**(鈔)如來所都，即阿彌陀佛極樂國土。**

(Sao: Chỗ chánh yếu để chú Phật ngữ chính là cõi Cực Lạc của A Di Đà Phật).

Chỉ quy Tịnh Độ.

(Sao) Thanh tịnh chúng giả, tức chú Bồ Tát.

(鈔)清淨眾者，即諸菩薩。

(Sao: “Thanh tịnh chúng” chính là các vị Bồ Tát).

Các vị Bồ Tát thuộc Liên Trì hải hội trong thế giới Cực Lạc được kinh Hoa Nghiêm gọi là “thanh tịnh chúng”.

(Sao) Vị lai thành Phật, tức hạ văn Nhất Sanh Bồ Xứ.

(鈔)未來成佛，即下文一生補處。

(Sao: Thành Phật trong đời tương lai, tức là các vị Nhất Sanh Bồ Xứ [sẽ được nói tới] trong phần kinh văn ở phía sau).

[Đại chúng trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới trong tương lai đều là Nhất Sanh Bồ Xứ. Xem đối chiếu kinh Hoa Nghiêm với kinh này, sẽ biết kinh này và kinh Hoa Nghiêm đích xác là giáo nghĩa chẳng hai, chẳng khác.

Lại xem đoạn kế tiếp, đây là đoạn cuối, tức Xưng Lý trong chương này. Đoạn này khá sâu, trong Phật môn thường nói “tiêu quy tự tánh”, người hiện thời nói là “đọc sách có tâm đắc”. Tâm đắc là sau khi nghe đoạn kinh văn này bèn có ngộ xứ, ngộ xứ là tâm đắc chân chánh, chẳng phải là quý vị ghi chép. Ghi chép chính là bút ký, ghi lại những cách nghĩ nảy sinh liên quan đến những điều [đọc được từ trong sách], đó là cảm tưởng, [chẳng phải là tâm đắc].

(Sớ) Xưng Lý, tức tự tánh tức Không, tức Giả, thị “Phật hữu Thanh Văn, Bồ Tát” nghĩa.

(疏)稱理，則自性即空即假，是佛有聲聞菩薩義。

(Sớ: Xưng Lý, tự tánh chính là Không, chính là Giả, đó là ý nghĩa “Phật có Thanh Văn, Bồ Tát”).

Câu này là tổng thuyết. Lý là tự tánh, học thuyết hiện thời gọi [Lý] là bản thể của vũ trụ và nhân sinh. Muôn tướng trong vũ trụ thuộc về Sự, Sự do đâu mà có? Nhất định là có đạo lý, lý ấy là cội nguồn của hết thảy

sự tướng. Trong Triết Học, Lý ấy được gọi là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Chúng ta quan sát từ chỗ này, thấu hiểu từ chỗ này thì mới hoằng nhiên đại ngộ.

**(Diễn) Tự tánh tức Không, tức Giả, thị Phật hữu Bồ Tát nghĩa giả. Thanh Văn đọa Không, Bồ Tát xuất Giả, Phật tức tự tánh Pháp Thân bất đọa nhị biên, nhị song tức nhị biên dã.**

**(演) 自性即空即假，是佛有菩薩義者，聲聞墮空，菩薩出假，佛即自性法身不墮二邊，而雙即二邊也。**

**(Diễn: “Tự tánh chính là Không, chính là Giả, đó là ý nghĩa Phật có Bồ Tát”: Thanh Văn đọa Không, Bồ Tát xuất Giả, Phật chính là Tự Tánh Pháp Thân chẳng đọa vào hai bên, mà đồng thời cũng chính là hai bên).**

Hết thầy chúng sanh được chia làm ba loại lớn: Một loại là Thanh Văn, loại thứ hai là Bồ Tát, và loại thứ ba là thường được gọi là chúng sanh, giống như chúng ta. Ba loại này cũng là chín pháp giới. Chúng ta là chúng sanh trong lục đạo, ngoài lục đạo có Thanh Văn (bao gồm Duyên Giác), lại lên cao hơn nữa thì là Bồ Tát. Lục đạo chúng sanh mê hoặc, điên đảo, đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh hoàn toàn mê hoặc, hoàn toàn không thể chánh tri (hiểu biết đúng đắn). Những gì họ biết toàn là sai lầm, hoặc phiến diện, chẳng hoàn chỉnh, chẳng hoàn toàn lý giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh; đó là lục đạo phạm phu. Người Tiểu Thừa thông minh hơn chúng ta, họ biết hết thấy vạn pháp là rỗng không, vạn pháp đều là Không. Được rồi! Họ liền rút vào trong Không, chẳng ra nữa, đó gọi là “*nhập Thiên Chân Niết Bàn*”. Chân là Chân Không, đọa trong Chân Không, chẳng thoát ra, chẳng khởi tác dụng; đó là hàng Nhị Thừa. Vì thế Phật cũng chẳng tán thành. Chúng ta thường gọi họ là Nhị Thừa, tức là còn rất tôn kính họ, chứ kinh Lăng Nghiêm chẳng tôn kính hàng Nhị Thừa cho lắm, gọi hàng Nhị Thừa là gì? Coi họ như một loài ma, nhưng tốt hơn ma đôi chút. Chẳng phải là ác ma, nhưng họ vẫn là ma. Trong hội Lăng Nghiêm, ngay cả A La Hán và Bích Chi Phật đều bị gọi là ma. Gọi họ là ma thì cũng có lý, vì chuẩn mực của kinh Lăng Nghiêm cao, những kẻ thấp hơn chuẩn mực thì không được rồi! Chúng ta thường tán thán họ, vì chuẩn mực của chúng ta thấp, nên thấy họ kẻ ra vẫn còn khá lắm; nhìn theo chuẩn mực cao thì [sẽ thấy] họ không được! Lăng Nghiêm cũng là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ, đương nhiên là thấy Thanh Văn và Duyên Giác quá thấp.



Bồ Tát càng thông minh hơn. “*Bồ Tát xuất Giả*”, từ Không thoát ra. Sau khi đã thoát ra, bèn đắc đại tự tại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. A La Hán và Bích Chi Phật là Lý Sự vô ngại, nhưng Sự Sự bèn có ngại. Phàm phu chúng ta không chỉ là Sự Sự có ngại, mà Lý Sự cũng có ngại, khởi tâm động niệm thấy đều có chướng ngại. Bồ Tát là Sự Sự vô ngại, đã xuất Giả!

Phật là tự tánh, là Pháp Thân, là bản thể, cũng là chân tánh hoặc bản giác của chính chúng ta. Trong bản giác chẳng có Không và Hữu, Không và Hữu là hai bên, Chân và Giả cũng là hai bên. Bất luận nói Chân hay nói Giả, chẳng ra ngoài bản thể, chẳng rời lìa pháp giới này. Phật là điều gì cũng đều bao dung, thấy đều hàm nhiếp, nên “Phật có Thanh Văn, Bồ Tát” cũng có nghĩa là “có hết thấy chúng sanh”. Câu này nếu nói rõ hơn một chút sẽ là: Đối với những tướng được hiện bởi Thể, những sự tướng ấy quyết định là bình đẳng. Bình đẳng là Chánh Giác, bình đẳng là thành Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật đã thật thà bảo chúng ta, hoàn toàn là lời chân thật: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”, thật đấy, chẳng dối gạt ai! Nay vì sao quý vị chẳng phải là Phật, mà biến thành phàm phu? Chính quý vị tự mê mất chính mình. Bị mê mất chính mình thì mê có sâu hay cạn khác nhau. Mê nặng nhất là lục đạo phàm phu, nhẹ hơn một tí là Thanh Văn và Duyên Giác. Mê nhẹ nhất là Bồ Tát, hoàn toàn chẳng mê bèn gọi là thành Phật. Từ chỗ này, quý vị nhận biết hết thấy muôn hình tượng do bản thể hiện ra, quyết định chẳng bị sai lầm.

Giáo học Phật giáo nhằm phá mê khai ngộ, chẳng có gì khác. Khai ngộ là khôi phục tự tánh, khôi phục vô lượng trí huệ và đức năng trong Tánh Đức của chính mình. Chúng ta cậy vào năng lực của chính mình, sẽ chẳng có cách nào khôi phục! Tuy Phật giúp chúng ta, dạy chúng ta khá nhiều phương pháp, nhưng các phương pháp ấy đều phải cậy vào sự tu học của chính mình thì mới có thể khôi phục. Chính mình tu học rất khó, cũng chẳng dễ gì thành tựu. Trì danh niệm Phật của Tịnh Tông là pháp môn đặc biệt, chỉ cần quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật sẽ giúp quý vị khôi phục. So với các pháp môn khác chỉ dựa vào sức của chính mình thì [pháp môn Tịnh Độ] đúng là thuận tiện quá nhiều! Do đó, pháp môn này được gọi là pháp môn Nhị Lực. Pháp môn này được hết thấy chư Phật, Bồ Tát tán thán là do đạo lý này. Do vậy, hết thấy muôn hình tượng do Tánh Đức của chúng ta lưu hiện, tức là cảnh giới được lưu xuất và biến hiện từ Tánh Đức.

**(Sao) Tánh Không, tức Nhất Chân ngưng tịch. Tánh Giả, tức vạn dụng Hằng sa. Ngưng tịch, tức yếu mạc biên nhai. Hằng sa, tức quảng vô tế hạn, tàng hà toán số khả đắc bình lượng giả tai!**

**(鈔)性空，則一真凝寂。性假，則萬用恆沙。凝寂，則杳莫邊涯。恆沙，則廣無際限。曾何算數可得評量者哉。**

*(Sao: Tánh Không là Nhất Chân ngưng lặng. Tánh Giả chính là muôn diệu dụng nhiều như cát sông Hằng. Ngưng lặng thì mênh mông không bờ bến. “Cát sông Hằng” [ý nói] rộng lớn không ngần hạn, há có thể tính toán để suy lường được u?)*

Mấy câu này hoàn toàn nói về bản tánh, nói về chân tâm và chân tánh vốn sẵn có của chúng ta. Bản thể của Tánh Không là không tịch. Hết thảy chúng sanh đều có chân tánh. Thực vật và khoáng vật cũng có pháp tánh. Tánh chính là bản thể của nó, bản thể của nó là không tịch, vì sao? Bản thể chẳng phải là vật chất, vật chất do bản thể biến hiện. Hiện thời, khoa học tiên bộ đã nhận thức chuyện này ngày càng rõ ràng hơn, ngày càng gần với những điều được nói trong kinh Phật. Đây là một chuyện tốt. Khoa học có thể dần dần chứng minh kinh Phật, các tiến bộ và phát triển trong khoa học có lợi cho việc giải nói Phật pháp.

Đối với Không được nói ở đây, chớ vị phải ghi nhớ: Chớ nên hiểu Không là “chẳng có gì”, Không là có, đã có, có sao nói là Không? Vì nó chẳng có hình tướng, mắt chúng ta chẳng thấy, tai cũng chẳng nghe, tay cũng chẳng sờ được. Không chỉ là ta chẳng sờ được, mà trong tâm cũng chẳng nghĩ được, nhưng nó xác thực là có, xác thực là tồn tại; chúng ta bắt buộc dĩ bảo nó là Không. Dùng danh từ này [để diễn tả những ý trên đây, tuy gọi là Không], nó không đâu chẳng tồn tại. Vì thế, Không chẳng phải là không có gì. Nếu Không là chẳng có gì thì dễ hiểu quá, đưa trẻ hai ba tuổi cũng đều hiểu. Không là Có, điều này khó hiểu, chẳng dễ gì hiểu được! Chúng tôi dùng một tỷ dụ để nói. Ví như sóng vô tuyến điện, bất luận khi nào, bất luận chỗ nào, nó thảy đều có. Điện đài ở mỗi nơi trên thế giới phát sóng, ở đây chúng ta đều có. Nếu quý vị không tin, chúng ta lấy radio mở lên ở đây, sẽ lập tức thu được sóng của mỗi đài truyền thanh, vô tuyến, nó thật sự có! Tuy có, chúng ta không dùng máy móc sẽ chẳng thấy được, chẳng có cách nào cảm nhận. Chúng ta nói sóng vô tuyến điện là không; nhưng nó tồn tại, không phải là chẳng có gì! Nói thật ra, sóng vô tuyến điện vẫn là có hình tướng, chúng ta vẫn có thể dùng dụng cụ khoa học để đo lường. Cái Không trong chân tánh chẳng có bất cứ máy móc nào có thể đo lường được, nhưng nó tồn tại, còn vi tế hơn sóng vô tuyến

điện. Sóng vô tuyến điện có chấn động, có độ dao động rất lớn, dễ dàng đo lường được. Đối với sóng vi tế trong tâm chúng ta, không dễ gì cảm nhận sự dao động ấy.

Các nhà khoa hiện thời đã chứng minh: Tất cả hết thảy các hiện tượng vật chất bất quá chỉ là hiện tượng dao động mà thôi. Cuối bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tô viết thêm một chương, dùng khoa học cận đại để dẫn chứng. Cụ nói rất rõ ràng: “*Về căn bản là chẳng có vật chất tồn tại*”, cách nói này hết sức gần với cách nói trong Phật pháp. Vật chất từ đâu mà có? Các nhà nghiên cứu Duy Thức nói Tướng Phần do từ Kiến Phần biến hiện. Kiến Phần và Tướng Phần đều cậy vào Tự Chứng Phần làm bản thể. Tự Chứng Phần là Không, là Tánh Không. Kinh điển Đại Thừa nói là Tánh Không, kinh luận Duy Thức gọi [Tánh Không] là Tự Chứng Phần. Quý vị biết tới cái Tánh Không ấy thì gọi là Chứng Tự Chứng Phần, dùng phương pháp gì để biết? Chính là nhất tâm. Nhất tâm là tâm ta bất động, bất động thì mới có thể đo lường cái động.

Vì lẽ này, tu hành trong Phật pháp coi trọng tu Thiền Định. Tâm thanh tịnh là Thiền Định, Thiền Định là tâm thanh tịnh. Nói “*Thiền*” nghĩa là “*ngoài chẳng chấp tướng*”, đối với hết thảy tướng cảnh giới, đều dùng cái tâm bình đẳng để quan sát, tiếp đãi. Dùng cái tâm thanh tịnh để đối diện với chúng, “*ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng khởi niệm*”, không động tâm. Đó gọi là Thiền Định, là tâm thanh tịnh. Thanh tịnh đến một mức độ kha khá, quý vị sẽ thấy sự dao động ấy, thấy nguồn gốc của vật chất, mới hoảng nhiên đại ngộ, quý vị đã thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Cảnh giới do đức Phật đã nói là cảnh giới Hiện Lượng, Ngài đích thân trông thấy, chính mắt trông thấy, chính tai nghe thấy, chẳng phải là suy lường theo lý luận, chẳng từ Toán Học mà tính toán ra! Nó do đâu mà có? Hình thành ra sao? Diễn biến như thế nào? Trở về tự tánh như thế nào? Nói thật ra, kinh Lăng Nghiêm đã giảng cặn kẽ. Trong quá khứ, tuy tôi đã giảng kinh Lăng Nghiêm rất nhiều lần, nhưng nói thật thà thì tôi chẳng nhập cảnh giới ấy. Hiện thời, nếu tôi giảng kinh Lăng Nghiêm một lần nữa, cảnh giới sẽ hoàn toàn khác hẳn, tôi có thể giảng rất vi tế, đích xác là thú vị vô cùng, kết hợp với khoa học hiện đại thành một thể. Kinh Lăng Nghiêm là sách gì vậy? Chính là vật lý học vũ trụ. Những điều đức Phật đã nói từ ba ngàn năm trước, cho đến hiện thời, vật lý học vũ trụ vẫn chưa thể ấn chứng hoàn toàn, chỉ có thể chứng minh một phần mà thôi! Thật sự lỗi lạc, vật lý học vũ trụ đấy nhé!

Như thế nào thì mới có thể lý giải? Chính là [bằng] cái tâm thanh tịnh, chẳng có pháp môn nào khác! Vì vậy, học Phật là học gì? Phải tu Định, phải tu cái tâm thanh tịnh. Chuyện gì có thể chẳng cần nghĩ tới thì tốt nhất là đừng nghĩ. Chuyện gì có thể chẳng vấn vương thì tốt nhất là đừng vương bận. Tận hết khả năng khiến cho tâm địa thanh tịnh, đó là bí quyết nhập Phật [môn]. Tuyệt đối chẳng phải là đọc rất nhiều kinh văn, đọc thật nhiều chú giải, dụng tâm nghiên cứu. Xưa kia, tôi giảng kinh đã sử dụng phương pháp ấy, đều là nói nhăng nói cuội! [Tuy vậy, người đời] nghe lừa, chẳng nghe khuyên. Phật pháp do tôi giảng trước kia là lừa người, các vị nghe theo. Nay nói lời thật với quý vị, quý vị đều chẳng tin tưởng. Nay tôi khuyên quý vị, quý vị chẳng tin tưởng. Phương pháp xưa kia là gạt người, quý vị lại tin tưởng, quái lạ thay! Trong quá khứ, cũng chẳng phải là tôi cố ý lừa gạt quý vị, mà là do trình độ của chính mình chưa tới. Trình độ ấy, sự tiến bộ ấy, tuyệt đối chẳng phải là do đọc nhiều thứ. Nói thật thà, hiện thời, tôi đọc những thứ này nọ ngày càng ít đi, càng đọc tinh chuyên hơn, càng đọc đơn giản hơn. Nói cách khác, tâm càng niệm càng thanh tịnh, từ chỗ này mà đạt được. Do đó mới biết cách dạy học của cô nhân tuyệt đối là chính xác. Quyết định chớ nên vứt bỏ phương pháp [dạy học] được lưu truyền từ thời cổ. Vứt bỏ phương pháp của cô nhân, những gì quý vị đạt được từ Phật pháp sẽ là Phật học thường thức. Vì sao? Chẳng dính dáng gì tới cái tâm thanh tịnh của quý vị. Quý vị vẫn chẳng có cách nào đoạn phiền não, vẫn chẳng có cách nào minh tâm kiến tánh! Quý vị có thể giành mấy học vị tiến sĩ Phật học, mấy danh vị trên thế giới, có thể đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian, nhưng chẳng có chút nào liên quan đến chuyện liễu sanh tử, thoát tam giới. Đó là làm lẫn quá đời!

Chư vị nhất định phải lưu ý “Nhất Chân”, chỉ có Nhất mới là thật, Nhị là giả, chẳng thật. Do đó, pháp giới được gọi là Nhất Chân pháp giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới; thế giới Hoa Tạng cũng là Nhất Chân pháp giới. Phải tiến nhập Nhất Chân pháp giới như thế nào? Phương pháp của Tịnh Độ Tông đơn giản, thẳng chóng: Nhất tâm. Nhất tâm là có thể nhập (năng nhập), Nhất Chân là cái được nhập (sở nhập). Trong Nhất (một) thì chẳng có Năng và Sở. Năng và Sở là một, chẳng hai, đây mới là “ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xư diệt”. Vì sao? Nếu có Năng và Sở thì vẫn là hai, Năng và Sở chẳng hai! Nói cách khác, chỉ cần công phu của chúng ta đạt tới nhất tâm, Nhất Chân lập tức hiện tiền, chẳng cần lại đi tìm Nhất Chân, Nhất Chân bèn hiện tiền. Nay chúng ta khởi tâm động niệm, tam tâm, nhị ý, bèn lập tức đánh mất Nhất Chân. “Đánh mất” là bị mê mất, trọn chẳng phải là thật sự đánh mất Nhất Chân.

Đã mê mắt, tuy nó ở trước mắt, quý vị chẳng nhận biết. Do vậy có thể biết, tâm địa thanh tịnh trọng yếu ngàn ấy!

Nếu đạo nghiệp của chúng ta có tiến bộ, nhìn thấy tiến bộ từ chỗ nào? Tâm ngày càng thanh tịnh hơn, vướng mắc càng ngày ít hơn; đó là tiến bộ. Lão Tử nói: “*Vi đạo nhật tổn*” (Vì đạo mà ngày một hao tổn). “*Tổn*” (損) là buông xuống, trừ bỏ. Phật pháp là vì đạo, chẳng phải là vì học. Chúng ta học Phật, chẳng phải là Phật học. Phật học thì chẳng phải là học Phật. Người hiện thời coi Phật học là học Phật, sai mất rồi! Sai từ quan niệm, làm lần bước này chính là làm lần từ nền tảng, vĩnh viễn sai lầm! Do đó, phải biết bản thể, chân tâm, bản tánh là như Lục Tổ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn sẵn trọn đủ*”. Chỉ cần quý vị kiến tánh, hết thấy vạn pháp chẳng có pháp nào không trọn đủ.

“*Nhất Chân ngưng tịch*”: “*Ngưng tịch*” (凝寂) là [từ ngữ diễn tả] tướng, tức là hình dạng của nó. “*Tánh Giả*”: Giả (假) là khởi tác dụng, “*tắc vạn dụng Hằng sa*” (muôn vạn công dụng nhiều như cát sông Hằng). Sau khi khai ngộ, Lục Tổ đã nói “*nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”, có thể sanh vạn pháp là tánh Giả. “*Giả*” là nói theo tướng, sâm la vạn tượng trong vũ trụ được biến hiện từ Chân Không ngưng lặng. Chân và Giả chẳng hai, Tánh và Tướng như một, đấy mới là thật sự thấy Thật Tướng của các pháp. Thấy như vậy sẽ được thọ dụng to tát, thật sự đạt được đại tự tại.

“*Ngưng tịch*”: Tướng của Tánh Thể là ngưng lặng, “*tắc yếu mạc biên nhai*” (mênh mông không bờ bến). Nói cách khác là chẳng có giới hạn, rộng lớn chẳng có giới hạn. Hết thấy giới hạn sanh từ đâu? Sanh từ khởi tâm động niệm. Chỉ cần khởi tâm động niệm, bèn có giới hạn. Trong chân tâm chẳng có giới hạn, chính mình vạch ra giới hạn, rắc rối liền xảy ra. Đừng nói chi to tát, chúng ta nói đến địa cầu nhỏ nhỏ này, hiện thời địa cầu quả thật rất nhỏ, ngồi máy bay có thể bay vòng quanh địa cầu trong một ngày, đúng là khá nhỏ bé. Trên địa cầu há từng có ranh giới ư? Con người ngu si cứ muốn vạch ra ranh giới. Hễ vạch ra ranh giới, sẽ có chiến tranh vì ranh giới. Chiến tranh dấy lên như thế nào? Dấy lên từ ranh giới. Chẳng có ranh giới, sẽ chẳng có chiến tranh. Nước này với nước kia chẳng có ranh giới, ranh giới [là do con người] vạch ra. Tỉnh này và tỉnh kia chẳng có giới hạn, ranh giới [cũng do con người] vạch ra. Huyện này và huyện kia chẳng có ranh giới, họ cũng vạch ra ranh giới ấy. Ranh giới là cội nguồn của tranh chấp. Đối với nhà ở, giữa láng giềng với nhau bèn vạch ra ranh giới, họ vẫn tranh chấp, từng tấc, từng thước đều muốn tranh chấp, chẳng khi nào xong!

Vốn chẳng có giới hạn, [đặt ra giới hạn] chính là quan niệm sai lầm. Quý vị đến đâu để tìm? Tìm chẳng thấy! Đây là nói tới phân biệt, chấp trước; phân biệt, chấp trước chẳng phải là sự thật, mà là một quan niệm trừu tượng sai lầm. Bao nhiêu phiền não, bao nhiêu tranh chấp, bao nhiêu tội nghiệp đã sanh từ quan niệm hư vọng, sai lầm này, quá oan uổng! Vì thế, đức Phật dạy chúng ta hãy bỏ hết thấy phân biệt, chấp trước, tâm chúng ta to như hư không pháp giới. Pháp giới là chân tâm, chân tâm là pháp giới. Trong hết thấy các pháp đều không chấp trước, chẳng chấp trước pháp thế gian, mà Phật pháp cũng chẳng chấp trước. Người hiện thời học Phật, còn có người nhất định chấp trước Tây Phương thế giới A Di Đà Phật, Đông Phương Lưu Ly thế giới Dược Sư Phật, vẫn còn có chấp trước, học Phật mà vẫn chia ra giới hạn! Nếu quý vị chú tâm phản tỉnh, suy nghĩ đôi chút, [hãy xét xem] giới hạn giữa A Di Đà Phật và Dược Sư Như Lai ở chỗ nào, quý vị có thể nói rõ ràng hay không? Nói chẳng nên lời! Không chỉ là nói chẳng nên lời! Trong lời Khai Thị tại Phật Thất, pháp sư Đàm Hư đã nêu một trường hợp. Trước kia, Ngài mở một trường học ở vùng Đông Bắc, hiệu trưởng [ngôi trường ấy] học Phật, từng hỏi Sư một vấn đề: “Giới hạn giữa Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà là ở chỗ nào?” Lão hòa thượng có trí huệ, bảo ông ta hãy tự hỏi quang phản chiếu, hãy tự mình quan sát. Vị hiệu trưởng ấy cũng rất thông minh, suy đi nghĩ lại, dường như chẳng tìm được giới hạn ấy. Vì sao? Tâm tánh là một, là một Thể; trong một Thể làm sao có thể tìm ra, vạch ra giới hạn cho được? Lão hòa thượng ấn chứng: “Đúng như vậy, xác thực là chẳng có giới hạn”.

Không chỉ là thế giới Tây Phương của A Di Đà Phật và thế giới Sa Bà chẳng có giới hạn, cùng một đạo lý như nhau, tất cả hết thấy sát-độ (cõi nước) của mười phương chư Phật đều chẳng có giới hạn. Sát-độ tồn tại hay không? Có, quyết định là có. Giới hạn thì sao? Chẳng tìm thấy giới hạn, kỳ quái! Giống như trong giảng đường này, chúng ta có nhiều đèn như vậy, vị trí của từng ngọn đèn xác thực là có, quý vị có thể tìm được giới hạn giữa ánh sáng của ngọn đèn này và ngọn đèn kia hay không? Chẳng tìm thấy! Cõi nước của chư Phật cũng lại giống như vậy. Cõi nước của chư Phật là như thế, mà tâm địa quang minh của chính chúng ta cũng lại giống như thế. Quang minh nơi tâm địa của mỗi người chúng ta chính là trí huệ và đức năng trong bản tánh, chẳng có giới hạn đối với tất cả chư Phật, Bồ Tát và hết thấy chúng sanh trong mười phương hết thấy các cõi Phật. Chẳng có giới hạn mà chính quý vị vạch ra giới hạn, đó là sai lầm.

Đây là lý do vì sao chúng ta mê hoặc, điên đảo, hằng ngày suy tưởng loạn xạ trong ấy, đó là vô minh!

Vô minh khởi lên như thế nào? Vô minh là do quý vị suy nghĩ lung tung mà có, khi nào có vô minh? Khi quý vị suy nghĩ loạn xạ, khi ấy bèn có vô minh. Khi nào quý vị điều gì cũng chẳng tưởng, sẽ chẳng có vô minh. Do vậy, đức Phật nói lời thật thà cùng quý vị: Vô minh là vô thi, tức là chẳng có khởi đầu. Quý vị dấy vọng tưởng bèn có vô minh; chẳng dấy vọng tưởng, nó bèn chẳng có. Chẳng có khởi đầu, cũng là chẳng có kết thúc. Ất phải đạt đến nhất tâm bất loạn thì mới hiểu rõ ràng, rành rẽ chân tướng sự thật này, tất cả hết thảy nghi lự đều tiêu tan. Đây là nói tới tầm trọng yếu của việc tu nhất tâm.

Vì vậy, nói thật thà, có nhiều kẻ thông minh tài trí chẳng bằng một bà cụ thật thà niệm Phật, người ta thật sự có thể niệm đến mức nhất tâm bất loạn, thật sự hiểu rành rẽ, rõ ràng hết thảy các pháp. Bà ta cũng chẳng nói với quý vị, vì sao? Có nói với quý vị, quý vị cũng chẳng tin tưởng. Nói với quý vị, đầu óc quý vị chứa đầy ắp Phật pháp, quý vị vẫn chê bà cụ nói trật lất. Người ta chứng thật sự, [cảnh giới của người ta chứng] là cảnh giới Hiện Lượng. Quý vị suy nghĩ loạn xạ, bụng đầy ắp Phật học, nói thật ra, thua bà cụ ấy xa lắc, người ta đã đắc nhất tâm. Tục ngữ có câu “*thông minh đăm ra bị làm lẫn bởi thông minh*”. Người thông minh đáng thương, kinh thường nói là “*kẻ đáng thương xót*”. Người đáng được thương xót chẳng phải là những ông già, bà cả ấy, mà là kẻ tự cho mình là thông minh, trí huệ, hạng người ấy đáng thương! Kẻ hằng ngày nghiên cứu kinh luận, dùi mài nơi đóng giầy cũ, đức Phật nói kẻ ấy là kẻ đáng thương!

Ở đây nói: Thễ là ngưng lặng; có Thễ thì mới có Dụng. Vì thế, cầu trí huệ ắt cần phải cầu Căn Bản Trí thì mới có Hậu Đắc Trí. Căn Bản Trí là vô tri, vô tri thì tâm mới thanh tịnh, tâm bèn định. Do đó, trí huệ Bát Nhã, trí huệ căn bản là tâm thanh tịnh, là như Lục Tổ đã nói “*vốn chẳng có một vật*”, đó là “*Bát Nhã vô tri*”. Khi khởi tác dụng thì “*không gì chẳng biết*”, khi chẳng khởi tác dụng thì là vô tri. Chư Phật, Bồ Tát suốt ngày từ sáng đến tối “*vô tri*”, quý vị hỏi gì, các Ngài đáp nấy. Đó gọi là “*không gì chẳng biết*”. Tuy trả lời quý vị, các Ngài vẫn là vô tri, chẳng phải là suy nghĩ: “*Đối với câu hỏi này của quý vị, tôi phải suy nghĩ, nghiên cứu để trả lời quý vị như thế nào*”. Nếu như vậy thì thôi rồi, đã là “*có biết*” mất rồi! Các Ngài vô tri để trả lời hữu tri, trả lời hết sức xảo diệu, hết sức thích đáng, chẳng có vấn đề nào không thể giải quyết. Vì vậy, vô tri là trí huệ chân thật.

Vô tri là gì? Tâm thanh tịnh chiếu rành rẽ hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ, giống như một tấm gương, [đó là] Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là vô tri, còn Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí và Thành Sở Tác Trí là có biết, “không gì chẳng biết”. Chẳng có Đại Viên Kính, làm sao có ba thứ trí huệ trên đây? Trong tâm khởi một niệm sẽ chẳng là viên kính, gương ấy liền bấn thiêu vì dính bụi trần, bị chướng ngại, giống như nước cuộn sóng, đánh mất tác dụng. Tâm phải thanh tịnh, phải trong sạch, đừng nổi sóng. Không cuộn sóng thì được gọi là “*như như bất động*”, trong sạch là “*chẳng nhiễm mây trần*”, mang ý nghĩa thanh tịnh. Dùng tựa đề kinh Vô Lượng Thọ để nói, bất động có nghĩa là bình đẳng, chẳng nhiễm nghĩa là thanh tịnh. Tựa đề kinh [Vô Lượng Thọ] có nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, Giác là Căn Bản Trí. Từ Căn Bản Trí khởi lên Hậu Đắc Trí, mới có Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí, và Thành Sở Tác Trí. Bình Đẳng Tánh Trí là tác dụng của Đại Viên Kính Trí, biết hết thấy đạo lý của vũ trụ và nhân sinh, biết Lý. Diệu Quán Sát Trí là biết hết thấy vạn sự vạn pháp, biết hết thấy sự. Thành Sở Tác Trí là năng lực, kỹ xảo, nó có thể làm hết thấy sự, có thể thành tựu hết thấy sự. Do vậy có thể biết, then chốt là Đại Viên Kính. Hiện lộ Đại Viên Kính của chính mình bằng cách nào? Thật thà niệm Phật. Pháp môn này màu nhiệm, còn các pháp môn khác nói ra [sẽ cảm thấy] rất phức tạp, chưa chắc đã nghe hiểu! Dầu có hiểu, cũng rất khó tu. [Bí quyết tu tập trong pháp môn Tịnh Độ là] bốn chữ “*thật thà niệm Phật*”, chỉ cần quý vị chịu thật thà, niệm đến mức công phu thành phiến, thọ dụng sẽ khá khả quan. Niệm đến mức nhất tâm bất loạn, sẽ nhập cảnh giới của Phật, Bồ Tát. Quý ở hai chữ “*thật thà*”, thật thà niệm. Thật thà là trong tâm chẳng có tạp niệm; hề có niệm, sẽ chẳng thật thà.

“*Hằng sa*” là nói tới Dụng, vạn dụng hằng sa. Hằng sa (cát sông Hằng) là tỷ dụ [vật gì có số lượng rất] nhiều, Hằng (恆) là sông Hằng (Ganges). Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế giảng kinh, thuyết pháp, phần lớn thời gian ở lưu vực sông Hằng. Hễ nói đến số lượng nhiều, lão nhân gia thường dùng chữ “*Hằng hà sa*” (cát sông Hằng) để tỷ dụ. Sông Hằng rất dài, còn dài hơn Trường Giang và Hoàng Hà của Trung Quốc. Cát sông Hằng như bột mì, rất mịn. Trong sông Hằng, biết bao nhiêu là cát! Đây là tỷ dụ tác dụng vô lượng vô biên. “*Quảng vô tế hạn*”, “*tế*” (際) là biên tế (ranh giới), “*hạn*” (限) là hạn lượng, [“*vô tế hạn*” là] chẳng có ngăn mé, chẳng có hạn lượng, tác dụng của nó quá lớn. Thế giới Sa Bà do Chân Như bản tánh biến hiện, Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn do Chân Như bản tánh biến hiện. Kinh Hoa Nghiêm nói vô lượng vô biên hằng sa



thế giới, nói nhiều cách mây đi nữa, vẫn do Chân Như bản tánh biến hiện ra, chẳng thể vượt ra ngoài tự tánh, quý vị bèn hiểu công đức của tự tánh đúng là vô lượng vô biên. Tự tánh là con người thật sự của chính mình, Thiên Tông gọi là “*phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục*” (diện mạo trước khi được cha mẹ sanh ra), là diện mục sẵn có, là con người thật sự của chính mình. Giáo học Phật pháp chẳng có gì khác, nhằm khôi phục diện mạo của chính mình mà thôi. Nói cách khác, tìm lại chính mình. Chúng sanh mê mất chính mình, đức Phật dạy chúng ta cách tìm lại chính mình, đó là Phật pháp.

Do vậy có thể biết, Phật pháp và chúng ta có mối quan hệ mật thiết như vậy, chẳng phải là tìm những thứ ở bên ngoài, mà là tìm lại chính mình. Do vậy, cầu pháp ngoài tâm đều gọi là ngoại đạo. Hằng ngày, chúng ta tìm Phật pháp trong kinh điển, chuyện này là như thế nào? Vẫn coi là ngoại đạo! Vì từ trong kinh điển, quý vị tìm được này nọ, đó là pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, chẳng phải là của chính quý vị, nên đó là ngoại đạo. Quý vị tìm trong Sớ Sao, Sớ Sao do Liên Trì đại sư trước tác, Diễn Nghĩa do pháp sư Cổ Đức soạn, là những thứ của các Ngài. Quý vị tìm trong ấy, cũng là cầu pháp ngoài tâm. Như thế nào thì mới được coi là Phật pháp? Nương theo những thứ của Thích Ca Mâu Ni Phật và tổ sư đại đức để dẫn phát tự tánh của chính mình, đó là Phật pháp. Giống như hai ngọn nến này, một ngọn nến đã được thắp sáng, ngọn kia chẳng được thắp. Chẳng thắp sáng, vĩnh viễn không đốt lên, cứ đi theo ngọn [đã được thắp sáng] kia, đó gọi là “*cầu pháp ngoài tâm*”, chẳng phải là của chính mình. Quý vị ắt phải mượn ánh sáng của ngọn nến kia để thắp sáng chính mình, đó là đúng. Đó là Phật pháp. Chúng ta phải mượn quang minh của Thích Ca Mâu Ni Phật, vẫn tự trong kinh điển là quang minh, mượn quang minh của Liên Trì đại sư và pháp sư Cổ Đức để thắp sáng quang minh trong tự tánh, khôi phục tự tánh quang minh, đó là Phật pháp, mới là chẳng cô phụ Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức hồng pháp lợi sanh. Nếu quý vị chẳng hiểu, cứ coi những thứ của các Ngài là Phật pháp, vĩnh viễn đi theo người khác, tam thế chư Phật đều ứa lệ, kêu oan uổng! Sai mất rồi! Phật pháp là khai phát tự tánh quang minh, chẳng phải là ý lại kẻ khác.

Do vậy, chúng ta mở kinh A Di Đà ra, kinh A Di Đà là kinh A Di Đà của ai? Là kinh A Di Đà trong tự tánh. Tuy kinh này do Thích Ca Mâu Ni Phật nói, nhưng bày ra trước mặt chúng ta, khiến cho kinh A Di Đà trong tự tánh của chúng ta cũng được dẫn phát. Kinh A Di Đà của chúng ta và kinh A Di Đà do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói chẳng hai, chẳng khác. Giống như hai ngọn nến được thắp sáng, hai ánh sáng ấy chẳng hai, chẳng

khác. Ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau, chẳng thể tách rời ánh sáng nào là của ngọn nến nào, chẳng tách được! Chúng hoàn toàn dung hợp thành một Thể, đó gọi là học Phật. Học Phật phải học từ chỗ này, quý vị mới có thể đạt được thọ dụng chân thật, mới có thể đạt được pháp hỷ sung mãn, mới có thể thật sự hưởng thụ. Kinh Vô Lượng Thọ nói ba thứ chân thật, quý vị thấy đều đạt được. “*Chân thật chi tế*” là Tánh Không, “*trụ chân thật huệ*” và “*chân thật chi lợi*”, quý vị đều đạt được toàn bộ.

“*Tằng hà toán số khả đắc bình lượng giả tai*” (Há có thể dùng tính toán để suy lường được ư?), có thể thấy là đã vượt ngoài số lượng. Số lượng chẳng thể hạn cuộc nó, còn có tính toán chi nữa, chẳng cần! Do vậy có thể biết, những số lượng đã nói đều là đức Phật nói phương tiện, đều là Phật nói theo Tục Đế. Từ Tục Đế bèn quay ngược lại để lãnh hội Chân Đế. Trong kinh Hoa Nghiêm có ý nghĩa này. Bài “*Phật pháp dùng thể tục để giảng giải lẽ chân*” của cư sĩ Âu Dương Cảnh Vô đã giảng về đạo lý này, nêu rõ sự thiện xảo và nghĩa thú trong việc thuyết pháp của đức Phật. Quý vị phải hiểu thì mới có thể lãnh hội nghĩa chân thật do đức Phật đã nói. Nếu quý vị chẳng thấu hiểu, chỉ là [thấy được] ý nghĩa hời hợt bề ngoài nơi văn tự, sai mất rồi! [Những gì quý vị] đạt được sẽ là Phật học thường thức.

**(Sao) Thị tắc hiền thánh tam thừa, cộng tông nhất Phật.**

**(鈔)是則賢聖三乘，共宗一佛。**

**(Sao: Do vậy, hiền, thánh, tam thừa cùng tôn sùng một vị Phật).**

“*Hiền*” (賢) là các Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương), “*thánh*” là các vị Địa Thượng Bồ Tát (từ Sơ Địa trở lên), “*tam thừa*” là nói tới Quyển Giáo Bồ Tát, Thanh Văn và đại chúng trời, người. Đó là bao gồm trọn hết ba bậc chín phẩm đại chúng vãng sanh thế giới Cực Lạc, bất luận là cõi Thật Báo, cõi Phương Tiện, hay cõi Đồng Cư. Nói chung, “*cộng tông nhất Phật*” (đều cùng tôn sùng một vị Phật), [*nhất Phật*] là A Di Đà Phật, đều tôn A Di Đà Phật làm thầy, đều tiếp nhận A Di Đà Phật đích thân giáo dục.

**(Sao) Chân Tục nhị đế, đồng xuất nhất tâm.**

**(鈔)真俗二諦，同出一心。**

**(Sao: Chân Đế và Tục Đế đều phát xuất từ nhất tâm).**

Chư vị có thể hiểu rõ những điều tôi đã nói trên đây, sẽ liễu giải Nhị Đé đều từ nhất tâm lưu xuất.

**(Sao) Nhất tâm liễu nhiên, phước túc, huệ túc.**

**(鈔)一心了然，福足慧足。**

**(Sao: Đã liễu đạt nhất tâm, thì phước lẫn huệ đều trọn đủ).**

Chúng ta mong cầu trí huệ và phước đức thật sự, hãy tu từ nơi đâu? Nhất tâm. Phước trong nhất tâm là phước báo xứng tánh! Không thể tu nhất tâm, làm nhiều chuyện tốt, thì phước báo ấy là phước báo do tu được, sẽ hưởng hết, [vì nó] có hạn lượng. Tánh Đức chẳng có hạn lượng, cho nên phước báo của chư Phật, Bồ Tát to tát, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng. Vì sao? [Phước báo của] các Ngài là Tánh Đức, vốn trọn đủ trong Chân Như bản tánh, chẳng phải là do tu được. Vì thế, người biết tu sẽ tu từ căn bản, căn bản là gì? Nhất tâm bất loạn, căn bản là cái tâm thanh tịnh của chính mình. Tâm thanh tịnh có thể sanh ra trí huệ, lại còn có thể sanh ra phước báo, kỳ diệu thay! Trong quá khứ, chỉ nghe nói có thể sanh ra trí huệ, chẳng nghe nói có thể sanh ra phước báo; nhưng có thể sanh ra phước báo là thật, chẳng giả. Ở đây, Liên Trì đại sư nói rõ, trong Đàn Kinh Lục Tổ đại sư cũng đã nói rõ, có thể thấy là tâm thanh tịnh trọn đủ phước báo viên mãn, điều này chẳng giả. Phước và huệ đều cầu từ tâm thanh tịnh. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.